

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 -HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2026/HSST
Ngày 04/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -HẢI PHÒNG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hải Phòng;

- Đại diện VKSND khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc A - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên toà tại điểm cầu thành phần:

+ Ông Nguyễn Quang D - Thư ký TAND khu vực 8- Hải Phòng;

+ Ông Phạm Minh V - Kiểm sát viên VKSND khu vực 8- Hải Dương;

+ Ông Nguyễn Hải V1 và ông Bùi Đình Anh M - Cán bộ Trại tạm giam số 02, Công an thành phố H.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) khu vực 8- Hải Phòng là điểm cầu trung tâm và Trại tạm giam số 02, Công an thành phố H là điểm cầu thành phần, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 51/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, đối với bị cáo:

Lê T, sinh ngày 06/7/1988; Giới tính: Nam; CCCD số: 008088010438; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường A, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Q; gia đình có 02 anh em, T là con thứ hai; chưa có vợ con; tiền sự: Không; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 06 ngày 15/01/2009, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 16 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. Bản

án hình sự phúc thẩm số 308 ngày 27/5/2009 của Toà án phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội giữ nguyên án sơ thẩm (chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2020, nộp án phí ngày 14/8/2009);

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 61 ngày 27/9/2006, Toà án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản (tại thời điểm phạm tội T chưa đủ 18 tuổi, giá trị tài sản trộm cắp là 530.000đ; đã chấp hành xong án phí và truy thu ngày 18/4/2007);

- Bản án hình sự sơ thẩm số 93 ngày 20/5/2025, Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bản án hình sự phúc thẩm số 721 ngày 05/8/2025 của Toà án nhân dân TP Hà Nội giữ nguyên án sơ thẩm (Hành vi phạm tội xảy ra từ tháng 11/2023 nhưng đến tháng 01/2025 mới bị phát hiện);

- Bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 23/01/2026, Toà án nhân dân khu vực 2-Hung Yên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Hành vi phạm tội xảy ra từ tháng 11/2024 nhưng đến tháng 01/2025 mới bị phát hiện). Tổng hợp hình phạt 08 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 721 ngày 05/8/2025 của Toà án nhân dân TP Hà Nội buộc T chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là 09 năm 09 tháng tù;

Hiện bị cáo đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Q1 (có mặt).

* Bị hại: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số G L, phường T, thành phố Hải Phòng (vắng mặt);

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê T và anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1993, trú tại số G L, phường T, TP . có mối quan hệ quen biết từ trước.

Sáng ngày 19/12/2024, anh H gặp T ở Hà Nội nên rủ về thành phố H (cũ) chơi, T đồng ý. Sau đó, anh H gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1987 ở số A ngõ I N, phường B, TP . (nay là phường T, TP .) làm lái xe ô tô taxi chở

T, anh H đến TP . (cũ). Đến nơi, anh H, anh H1 và T đi ăn uống tại quán ăn ở TP . (không nhớ địa chỉ cụ thể). Khoảng 23 giờ cùng ngày, anh H, anh H1 và T đi về ngủ tại gác xếp tầng 2 nhà anh H1. Khoảng 02 giờ 57 phút ngày 20/12/2024, T tỉnh dậy, thấy anh H, anh H1 đang ngủ, trên cổ tay phải của anh H đeo 01 chiếc lắc vàng, trọng lượng khoảng 03 chỉ, có khớp nối đang trong tình trạng bị bung và tại khu vực khoảng giữa tay phải của anh H và tay trái của T có để 01 điện thoại Iphone 14 Promax, bản quốc tế, dung lượng 256 Gb, màu vàng đã qua sử dụng, không lắp thẻ sim. T dùng tay mở lấy khớp nối của chiếc lắc vàng, lấy ra khỏi tay anh H rồi T tiếp tục lấy chiếc điện thoại di động cho vào túi quần bên phải đang mặc. Sau đó, T đi ra ngoài đường, gọi taxi đi về Hà Nội. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi bộ đến khu vực bến xe ở TP . (không nhớ địa chỉ cụ thể) bán 01 chiếc lắc vàng và 01 điện thoại di động Iphone 14 promax cho 01 người đàn ông không quen biết được số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nên không thu giữ được. Số tiền trên, T đã chi tiêu hết. Sáng ngày 20/12/2024, anh H phát hiện bị mất tài sản nhưng do phải đi lao động tại Campuchia nên đến ngày 07/01/2026, anh Nguyễn Duy H đã trình báo đến Công an phường T, TP ..

Tại kết luận định giá tài sản số 02 ngày 26/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND phường T kết luận: Giá trị của 01 chiếc lắc, chất liệu vàng ta, hình tròn, tuổi V999, trọng lượng 03 chỉ, mua ngày 10/12/2024, bị chiếm đoạt ngày 20/12/2024 là 25.280.000đ; giá trị của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu vàng bản quốc tế, dung lượng 256Gb, mua cũ ngày 10/12/2024, không lắp sim điện thoại bị chiếm đoạt ngày 20/12/2024 là 15.000.000đ. Tổng trị giá tài sản của anh Nguyễn Duy H bị chiếm đoạt là 40.280.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Duy H không yêu cầu bị cáo Lê Trọng P bồi thường dân sự đối với tài sản bị chiếm đoạt.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSKV8 ngày 20/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt VKSND) khu vực 8- Hải Phòng truy tố Lê Trọng về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi như giai đoạn điều tra, truy tố.
- Đại diện VKSND khu vực 8- Hải Phòng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173,

điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Trọng phạm T2 Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo tù 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 năm 09 tháng tù của Bản án hình sự số 08/2026/HS-ST ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hưng Yên, buộc bị cáo Lê Trọng P chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 năm đến 12 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/01/2025. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã thực hiện đúng hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về nội dung này.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường, các kết luận giám định, các biên bản nhận dạng; lời khai của bị hại anh Nguyễn Duy H, lời khai những người làm chứng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Thanh H1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 57 phút ngày 20/12/2024, tại gác xép tầng 2 số nhà A ngõ I N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng), lợi dụng anh Nguyễn Duy H đang ngủ không quản lý được tài sản, Lê T đã chiếm đoạt 01 chiếc lắc, chất liệu vàng ta, hình tròn, tuổi V999, trọng lượng 03 chỉ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu vàng bản quốc tế, dung lượng 256Gb của anh H. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 40.280.000đ (*Bốn mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 40.280.000đ của bị cáo là hành vi trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Bị cáo bị VKSND khu vực 8- Hải Phòng truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt với bị cáo.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song vì lợi ích cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu khi quản lý tài sản, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị kết án nhiều lần, trong đó Bản án hình sự sơ thẩm số 06 ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tính tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và tổng hợp hình phạt với bản án số 08 ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hưng Yên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Không làm rõ tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông mua chiếc lắc vàng và chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt được mà có nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù của Bản án hình sự số 08/2026/HS-ST ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hưng Yên, buộc bị cáo Lê Trọng P chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/01/2025.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc này niêm yết bản án theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 -Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8- Hải Phòng;
- Trại giam Quảng Ninh- Bộ Công an;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Toà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà